

CHÍNH PHỦ
Số: 148/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau đây gọi chung là quỹ).
- Nghị định này áp dụng đối với:
 - Cá nhân, tổ chức Việt Nam, các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam trong việc thành lập, hoạt động quỹ;
 - Cá nhân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với cá nhân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động quỹ.

Điều 2. Mục đích tổ chức, hoạt động của quỹ

Quỹ được tổ chức và hoạt động nhằm mục đích khuyến khích phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì lợi nhuận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Quỹ": là tổ chức phi chính phủ có tư cách pháp nhân do một hoặc nhiều cá nhân, tổ chức tự nguyện dành một khoản tài sản nhất định để thành lập hoặc thành lập thông qua hợp đồng, hiến tặng, di chúc, nhằm mục đích hỗ trợ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các hoạt động vì lợi ích cộng đồng không vì mục đích lợi nhuận, quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, công nhận Điều lệ.
- "Không vì lợi nhuận": là không tìm kiếm lợi nhuận để phân chia; lợi nhuận có được trong quá trình hoạt động được dành cho các hoạt động theo Điều lệ.

3. "*Góp tài sản*": là việc chuyển tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức dưới hình thức hợp đồng, hiến tặng, di chúc của người để lại tài sản hoặc các hình thức khác vào quỹ.

Cá nhân, tổ chức đã góp tài sản vào quỹ không còn quyền sở hữu và trách nhiệm dân sự với tài sản đó.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của quỹ

1. Quỹ thành lập và hoạt động không vì lợi nhuận.
2. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của mình.
3. Quỹ hoạt động theo Điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.
4. Quỹ phải thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch về tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chính sách của nhà nước đối với quỹ

1. Khi thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của pháp luật.
2. Tài sản của cá nhân, tổ chức đóng góp cho quỹ và các hoạt động của quỹ vì sự phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và lợi ích cộng đồng được áp dụng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, tên, biểu tượng và địa chỉ của quỹ

1. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.
2. Quỹ được chọn tên và biểu tượng. Tên và biểu tượng quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Không trùng lặp hoặc gây nhầm lẫn với tên hoặc biểu tượng của quỹ khác đã được đăng ký trước đó;
 - b) Tên và biểu tượng không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;
 - c) Tên quỹ phải viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm ra tiếng Việt và có thể viết thêm bằng một hoặc một số tiếng nước ngoài với khổ chữ nhỏ hơn.
3. Quỹ phải có địa chỉ cụ thể.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng việc thành lập quỹ nhằm tư lợi, hoạt động bất hợp pháp.
2. xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, đại đoàn kết dân tộc.
3. Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc.
4. Làm giả, tẩy xoá, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép thành lập quỹ dưới bất kỳ hình thức nào.
5. Các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THÀNH LẬP QUỸ

Điều 8. Sáng lập viên

1. Sáng lập viên thành lập quỹ phải có đủ điều kiện sau đây:

- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự được thành lập quỹ;
- Tổ chức của Việt Nam, doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có khả năng đóng góp tài sản cho quỹ theo cam kết, được ban lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp nhất trí thành lập quỹ bằng văn bản và quyết định cử người đại diện đứng ra lập quỹ;
- Cá nhân, tổ chức được thừa kế theo di chúc mà có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu lập quỹ của người để lại tài sản hoặc yêu cầu của người hiến tặng tài sản thông qua hợp đồng để lập quỹ thì được đại diện đứng ra lập quỹ;
- Cá nhân, tổ chức nước ngoài được góp tài sản với cá nhân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ ở Việt Nam.

2. Quỹ có từ 2 (hai) sáng lập viên trở lên:

- Các sáng lập viên phải thành lập Ban sáng lập quỹ;
- Ban sáng lập quỹ bao gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các sáng lập viên;
- Ban sáng lập lập hồ sơ xin phép thành lập quỹ theo quy định tại Điều 10 và gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 9. Điều kiện thành lập quỹ

1. Quỹ được thành lập khi có đủ những điều kiện sau đây:

- Có mục đích hoạt động theo quy định tại Điều 2 Nghị định này;
- Có cam kết đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức là sáng lập viên;
- Có Điều lệ, cơ cấu tổ chức phù hợp với các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;
- Có trụ sở giao dịch.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định cụ thể điều kiện thành lập quỹ.

Điều 10. Hồ sơ thành lập quỹ

1. Đơn đề nghị thành lập quỹ.

2. Dự thảo Điều lệ quỹ.

3. Đề án thành lập và hoạt động của quỹ.

4. Cam kết có trụ sở chính của quỹ.

5. Cam kết về tài sản đóng góp để thành lập quỹ.

6. Tư cách sáng lập viên:

- Đối với sáng lập viên cá nhân là công dân Việt Nam phải có: lý lịch tư pháp; cam kết đóng góp tài sản, tài chính để thành lập quỹ;

b) Đối với sáng lập viên là người nước ngoài phải có: lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước người đó mang quốc tịch; cam kết góp tài sản, tài chính của cá nhân người nước ngoài đó cho cá nhân, tổ chức Việt Nam để tham gia thành lập quỹ; cam kết thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và mục tiêu hoạt động của quỹ;

c) Đối với sáng lập viên là tổ chức của Việt Nam: tên và địa chỉ của tổ chức; nghị quyết của Ban Lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ kèm theo Quyết định về số tài sản đóng góp thành lập quỹ, Điều lệ của tổ chức, Quyết định cử đại diện tham gia hoặc là sáng lập viên thành lập quỹ;

d) Đối với sáng lập viên là tổ chức nước ngoài: tên đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức; Điều lệ của tổ chức; có cam kết góp tài sản, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Việt Nam và mục tiêu hoạt động của quỹ; lý lịch người đại diện của tổ chức tham gia quỹ có xác nhận của tổ chức.

7. Quỹ được thành lập theo di chúc hoặc hợp đồng uỷ quyền của tổ chức, cá nhân: bản sao di chúc, hợp đồng uỷ quyền có công chứng.

Điều 11. Nội dung cơ bản của Điều lệ quỹ

1. Tên gọi của quỹ.

2. Tôn chỉ mục đích, lĩnh vực và địa bàn hoạt động của quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của quỹ.

4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý quỹ, Ban kiểm soát, Chủ tịch, Giám đốc và các chức vụ lãnh đạo khác.

5. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ.

6. Nguyên tắc vận động quyên góp, vận động, tiếp nhận tài trợ và thực hiện tài trợ.

7. Những quy định về tài sản, tài chính và việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính.

8. Khen thưởng, kỷ luật, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động của quỹ.

9. Điều kiện hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ.

Điều 12. Điều kiện để quỹ được hoạt động

1. Có giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ do Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) cấp.

2. Có tài khoản với đủ số tiền của sáng lập viên đã cam kết đóng góp tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước nơi quỹ đăng ký mở tài khoản và xác nhận của Hội đồng quản lý quỹ đối với tài sản khác đã cam kết đóng góp của các sáng lập viên.

3. Có trụ sở giao dịch.

4. Đã công bố về việc thành lập quỹ trên 3 (ba) số báo viết, báo điện tử liên tiếp ở Trung ương đối với các quỹ được Bộ Nội vụ cho phép thành lập; báo viết, báo điện tử cấp tỉnh đối với quỹ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp

huyện cho phép thành lập. Nội dung công bố bao gồm: tên quỹ, họ và tên người đứng đầu, số tài khoản, tên, địa chỉ ngân hàng nơi mở tài khoản, số tài sản đăng ký ban đầu của quỹ, lĩnh vực hoạt động chính, địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của quỹ.

Điều 13. Giấy phép thành lập quỹ và công nhận Điều lệ quỹ

1. Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ:

- a) Đối với quỹ được thành lập mới thì giấy phép thành lập quỹ đồng thời là giấy công nhận Điều lệ quỹ;
- b) Giấy phép thành lập quỹ, giấy công nhận Điều lệ quỹ có thể được thay đổi theo đề nghị của Hội đồng quản lý quỹ. Mọi thay đổi trong giấy phép thành lập quỹ và Điều lệ quỹ phải được Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép, công nhận;
- c) Tối đa 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cấp giấy phép thành lập quỹ và công nhận Điều lệ quỹ; trường hợp không cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;
- d) Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập, quỹ không hoạt động, giấy phép thành lập hết hiệu lực. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ ra quyết định thu hồi giấy phép thành lập.

2. Bộ Nội vụ quy định cụ thể mẫu giấy phép thành lập, mẫu giấy phép công nhận Điều lệ quỹ, trình tự, thủ tục cấp, thay đổi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ.

Điều 14. Thẩm quyền cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ; đình chỉ hoạt động; thu hồi giấy phép thành lập; công nhận Điều lệ quỹ; đổi tên quỹ và giải quyết khiếu nại, tố cáo về quỹ

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền quy định tại Điều này đối với:

- a) Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh;
- b) Quỹ do tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thành lập theo điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định tại Điều này đối với quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện.

Căn cứ điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ; đình chỉ hoạt động; thu hồi giấy phép thành lập; công nhận Điều lệ quỹ; đổi tên quỹ và giải quyết khiếu nại, tố cáo về quỹ có phạm vi hoạt động tại huyện, xã.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 15. Hội đồng quản lý quỹ

1. Quỹ phải có Hội đồng quản lý quỹ. Hội đồng quản lý quỹ có tối thiểu 3 (ba) thành viên do sáng lập viên đề cử. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý quỹ không quá 5 (năm) năm. Hội đồng quản lý quỹ gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.